

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ I – MÔN SINH 10
Năm học 2023 - 2024

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Tế bào nhân sơ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Kích thước nhỏ, chưa có nhân hoàn chỉnh, có nhiều bào quan.
- B. Kích thước nhỏ, chưa có nhân hoàn chỉnh, có rất ít bào quan.
- C. Kích thước nhỏ, có nhân hoàn chỉnh, có rất ít bào quan.
- D. Kích thước nhỏ, có nhân hoàn chỉnh, có nhiều bào quan.

Câu 2. Biết rằng S là diện tích bề mặt, V là thể tích tế bào. Vi khuẩn có kích thước nhỏ nên tỷ lệ S/V lớn. Điều này giúp cho vi khuẩn

- A. dễ dàng biến đổi trước môi trường sống.
- B. dễ dàng tránh được kẻ thù, hóa chất độc.
- C. dễ dàng trao đổi chất với môi trường.
- D. dễ dàng gây bệnh cho các loài vật chủ.

Câu 3. Vùng nhân của tế bào vi khuẩn có đặc điểm:

- A. gồm một phân tử DNA xoắn kép, dạng vòng.
- B. gồm một phân tử DNA mạch thẳng, xoắn kép.
- C. gồm một phân tử DNA liên kết với protein.
- D. gồm một phân tử DNA dạng thẳng, đơn.

Câu 4. Tế bào chất của tế bào nhân sơ có chứa cấu trúc nào sau đây?

- A. Các bào quan có màng bao bọc.
- B. Ribosome và các hạt dự trữ.
- C. Bộ khung xương tế bào.
- D. Hệ thống nội màng.

Câu 5. Thành tế bào vi khuẩn cấu tạo từ:

- A. cellulose.
- B. polysaccharide.
- C. chitin.
- D. peptidoglycan.

Câu 6. Sự khác nhau của hai nhóm vi khuẩn G- và G+ là ở đặc điểm nào sau đây?

- A. Thành peptidoglycan.
- B. Màng sinh chất.
- C. Tế bào chất.
- D. Vật chất di truyền.

Câu 7. Bộ máy Golgi **không** có chức năng nào sau đây?

- A. Gắn thêm đường vào protein.
- B. Bao gói các sản phẩm tiết.
- C. Tổng hợp lipid.
- D. Tạo ra glycolipid.

Câu 8. Tế bào nào sau đây **không** có thành tế bào?

- A. Tế bào vi khuẩn.
- B. Tế bào động vật.
- C. Tế bào thực vật.
- D. Tế bào nấm men.

Câu 9. Cho các thông tin sau:

- 1) Không có thành tế bào bao bọc bên ngoài.
 - 2) Có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.
 - 3) Trong tế bào chất có hệ thống các bào quan.
 - 4) Có hệ thống nội màng chia tế bào chất thành các xoang nhỏ.
 - 5) Nhân chứa các nhiễm sắc thể (NST), NST lại gồm DNA và protein.
- Trong các thông tin trên, có bao nhiêu thông tin là đặc điểm của tế bào nhân thực?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 10. Bào quan ribosome **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Làm nhiệm vụ tổng hợp protein.
- B. Được cấu tạo bởi hai thành phần chính là rRNA và protein.
- C. Có cấu tạo gồm một tiểu phần lớn và một tiểu phần bé.
- D. Được bao bọc bởi màng kép phospholipid.

Câu 11. Trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào nhân thực là

- A. vùng nhân.
- B. ribosome.
- C. màng sinh chất.
- D. nhân tế bào.

Câu 12. Cho các thông tin về lưới nội chất:

- (1) Có cấu tạo tương tự như cấu tạo của màng tế bào.
- (2) Là một hệ thống ống và xoang phân nhánh thông với nhau.
- (3) Phân chia tế bào chất thành các xoang nhỏ (tạo ra sự xoang hóa).

(4) Có chứa hệ enzyme làm nhiệm vụ tổng hợp lipid.

(5) Có chứa hệ enzyme làm nhiệm vụ tổng hợp protein.

Trong các thông tin trên, có bao nhiêu thông tin là đặc điểm chung của lưới nội chất trơn và lưới nội chất hạt?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 13. Nhân của tế bào nhân thực **không** có đặc điểm nào sau đây?

A. Nhân được bao bọc bởi lớp màng kép.

B. Nhân chứa chất nhiễm sắc gồm DNA liên kết với protein.

C. Màng nhân có nhiều lỗ nhỏ để trao đổi chất với ngoài nhân.

D. Nhân chứa nhiều phân tử DNA dạng vòng.

Câu 14. Vì sao gọi là tế bào nhân thực?

A. Vì có hệ thống nội màng.

B. Vì vật chất di truyền là DNA và Protein.

C. Vì nhân có kích thước lớn.

D. Vì vật chất di truyền có màng nhân bao bọc.

Câu 15. Cholesterol có chức năng gì trong màng sinh chất?

A. Tạo nên các lỗ nhỏ trên màng giúp hình thành nên các kênh vận chuyển qua màng.

B. Tăng tính ổn định cho màng.

C. Tăng độ linh hoạt tổng mô hình khảm động.

D. Tiếp nhận và xử lý thông tin truyền đạt vào tế bào.

Câu 16. Tế bào của cùng 1 cơ thể có thể nhận biết nhau và nhận biết các tế bào “lạ” là nhờ

A. các protein thụ thể.

B. “dấu chuẩn” là glycoprotein.

C. mô hình khảm động.

D. roi và lông tiêm trên màng.

Câu 17. Hình dạng của tế bào động vật được duy trì ổn định nhờ cấu trúc

A. lưới nội chất.

B. khung xương tế bào.

C. chất nền ngoại bào.

D. bộ máy Golgi.

Câu 18. Bộ máy Golgi có cấu trúc như thế nào?

A. Một chồng túi màng dẹp thông với nhau.

B. Một hệ thống ống dẹp xếp cạnh nhau thông với nhau.

C. Một chồng túi màng dẹp xếp cạnh nhau nhưng tách rời.

D. Một chồng túi màng và xoang dẹp thông với nhau.

Câu 19. Trong cơ thể người, tế bào có lưới nội chất hạt phát triển mạnh nhất là tế bào

A. Hồng cầu.

B. Bạch cầu.

C. Biểu bì.

D. Cơ.

Câu 20. Những bộ phận nào của tế bào tham gia việc vận chuyển một protein ra khỏi tế bào?

A. Lưới nội chất hạt, bộ máy golgi, túi tiết, màng tế bào.

B. Lưới nội chất trơn, bộ máy golgi, túi tiết, màng tế bào.

C. Bộ máy golgi, túi tiết, màng tế bào.

D. Ribosome, bộ máy Golgi, túi tiết, màng tế bào.

Câu 21. Các chất tan trong lipid được vận chuyển vào trong tế bào qua

A. kênh protein đặc biệt.

B. các lỗ trên màng.

C. lớp kép phospholipid.

D. kênh protein xuyên màng.

Câu 22. Hiện tượng thẩm thấu là sự khuếch tán của

A. các chất qua màng.

B. các ion qua màng.

C. các phân tử nước qua màng.

D. chất tan qua màng.

Câu 23. Tế bào bạch cầu “nuốt” vi khuẩn là ví dụ của hình thức

A. xuất bào.

B. vận chuyển thụ động.

C. vận chuyển chủ động.

D. thực bào.

Câu 24. Cách vận chuyển nào sau đây thuộc hình thức vận chuyển chủ động?

- (1) Vận chuyển qua màng tế bào nhờ kênh protein
- (2) Vận chuyển glucose đồng thời với Natri qua màng tế bào
- (3) Vận chuyển các chất có kích thước lớn qua màng tế bào.
- (4) Vận chuyển Ca^{2+} qua màng tế bào.
- (5) Vận chuyển Na^+ , K^+ bằng bơm protein qua màng tế bào.

- A. (2), (3), (4), (5).
- B. (1), (3), (4).
- C. (2), (3), (4).
- D. (3), (4), (5).

Câu 25. Hình thức vận chuyển nào sau đây giúp tế bào có thể lấy được chất cần thiết ngay cả khi chúng có nồng độ thấp hơn so với bên trong tế bào?

- A. Chủ động.
- B. Thụ động.
- C. Nhập bào.
- D. Xuất bào.

Câu 26. Môi trường đẳng trương là môi trường có nồng độ chất tan

- A. cao hơn nồng độ chất tan trong tế bào.
- B. bằng nồng độ chất tan trong tế bào.
- C. thấp hơn nồng độ chất tan trong tế bào.
- D. luôn ổn định.

Câu 27. Nồng độ glucose trong máu là 1,2g/lít và trong nước tiểu là 0,9g/lít. Tế bào sẽ vận chuyển glucose bằng cách nào? Vì sao?

- A. Nhập bào, vì glucose có kích thước lớn.
- B. Thụ động, vì glucose trong máu cao hơn trong nước tiểu.
- C. Chủ động, vì glucose là chất dinh dưỡng nuôi cơ thể.
- D. Nhập bào, vì glucose có kích thước rất lớn.

Câu 28. Ví dụ nào sau đây là về hiện tượng xuất bào?

- A. Hoạt hóa các thành phần phospholipid của màng tế bào.
- B. Đưa glucose và các amino acid từ trong tế bào biểu mô niêm mạc ruột vào máu.
- C. Đưa các sản phẩm có tính kháng nguyên lên bề mặt tế bào bạch cầu mono.
- D. Giải phóng các bọc chứa hormone, protein.

Câu 29. Tế bào vận chuyển được những phân tử protein có kích thước lớn ra khỏi tế bào nhờ quá trình

- A. thẩm thấu.
- B. nhập bào.
- C. xuất bào.
- D. khuếch tán.

Câu 30. Nhập bào bao gồm 2 loại là:

- A. Ẩm bào – ăn các chất có kích thước lớn, thực bào – ăn các giọt dịch.
- B. Ẩm bào – ăn các giọt dịch, thực bào – ăn các chất rắn có kích thước lớn.
- C. Ẩm bào – ăn các giọt dịch, thực bào – ăn các phân tử khí.
- D. Ẩm bào – ăn các phân tử khí, thực bào – ăn các giọt dịch.

Câu 31. “Đồng tiền năng lượng của tế bào” là tên gọi ưu ái dành cho hợp chất cao năng nào?

- A. NADPH.
- B. ATP.
- C. ADP
- D. FADH_2 .

Câu 32. Vai trò của enzyme trong tế bào là gì?

- A. Chất xúc tác.
- B. Chất nền.
- C. Tích trữ năng lượng.
- D. Nguyên liệu cho các phản ứng sinh hóa.

Câu 33. ATP được cấu tạo từ 3 thành phần là

- A. base adenosine, đường ribose, 2 nhóm phosphate.
- B. base adenosine, đường deoxyribose, 3 nhóm phosphate.
- C. base adenine, đường ribose, 3 nhóm phosphate.
- D. base adenine, đường deoxyribose, 1 nhóm phosphate.

Câu 34. Xét các hoạt động diễn ra trong tế bào:

- (1) Tổng hợp các chất cần thiết diễn ra trong tế bào.
 - (2) Vận chuyển chủ động các chất qua màng sinh chất.
 - (3) Glucose khuếch tán qua màng tế bào.
 - (4) Nước thẩm thấu vào tế bào khi tế bào ngập trong dung dịch nhược trương.
- Năng lượng ATP được sử dụng trong hoạt động nào?

A. 1,2.

B. 2,3.

C. 2,4.

D. 1,4.

Câu 35. Khi nói về chuyển hoá vật chất và năng lượng, nhận định nào dưới đây là không đúng?

A. Chuyển hoá vật chất là tập hợp các phản ứng xảy ra bên ngoài tế bào.

B. Chuyển hoá vật chất gồm hai quá trình. đồng hóa và dị hóa.

C. Chuyển hoá vật chất giúp tế bào thực hiện các đặc tính của sự sống như sinh trưởng, phát triển, cảm ứng, sinh sản.

D. Chuyển hoá vật chất luôn đi kèm chuyển hoá năng lượng.

Câu 36. ATP là một hợp chất cao năng, năng lượng của ATP tích lũy chủ yếu ở

A. cả 3 nhóm phosphate.

B. hai liên kết phosphate gần phân tử đường.

C. hai liên kết giữa 2 nhóm phosphate ở ngoài cùng.

D. chỉ 1 liên kết phosphate ngoài cùng.

Câu 37. Dạng năng lượng chủ yếu tồn tại trong tế bào là

A. nhiệt năng và thế năng.

B. hóa năng và động năng.

C. nhiệt năng và hóa năng.

D. điện năng và động năng.

Câu 38. Cây xanh có khả năng tổng hợp chất hữu cơ từ CO_2 và H_2O dưới tác dụng của năng lượng ánh sáng. Quá trình chuyển hóa năng lượng kèm theo quá trình này là

A. chuyển hóa từ hóa năng sang quang năng.

B. chuyển hóa từ quang năng sang hóa năng.

C. chuyển hóa từ nhiệt năng sang quang năng.

D. chuyển hóa từ hóa năng sang nhiệt năng.

Câu 39. Khi nói về enzyme, nhận định nào dưới đây là đúng?

A. Tốc độ phản ứng nhanh hay chậm phụ thuộc vào hoạt tính của enzyme mạnh hay yếu.

B. Hoạt tính của enzyme được đo bằng hình dạng sản phẩm hình thành sau phản ứng.

C. Đồng hoá là quá trình tổng hợp các chất hữu cơ phức tạp và giải phóng năng lượng.

D. Chuyển hoá vật chất là tập hợp các phản ứng xảy ra bên trong tế bào và dịch ngoại bào.

Câu 40. Xét các hoạt động diễn ra trong tế bào:

(1) Tổng hợp các chất cần thiết diễn ra trong tế bào.

(2) Vận chuyển chủ động các chất qua màng sinh chất.

(3) Glucose khuếch tán qua màng tế bào.

(4) Nước thẩm thấu vào tế bào khi tế bào ngập trong dung dịch nhược trương.

Năng lượng ATP được sử dụng trong hoạt động nào?

A. 1,2.

B. 2,3.

C. 2,4.

D. 1,4.

D. Chuyển hoá vật chất luôn đi kèm chuyển hoá năng lượng.

Câu 41: Trong pha sáng, ATP và NADPH được trực tiếp tạo ra từ

A. quá trình quang phân li nước.

B. quá trình diệp lục hấp thụ ánh sáng trở thành trạng thái kích động.

C. hoạt động của chuỗi truyền electron.

D. sự hấp thụ năng lượng của nước.

Câu 42: Quang hợp **không** có vai trò nào sau đây?

A. Tổng hợp các chất hữu cơ, oxygen.

B. Biến đổi năng lượng ánh sáng thành năng lượng hóa học.

C. Oxi hóa các hợp chất hữu cơ để giải phóng năng lượng.

D. Điều hòa tỷ lệ khí O_2/CO_2 của khí quyển.

Câu 43. Phát biểu nào sau đây là **đúng** khi nói về cơ chế của quang hợp?

A. Pha sáng diễn ra trước, pha tối diễn ra sau.

B. Pha tối diễn ra trước, pha sáng diễn ra sau.

C. Pha sáng và pha tối diễn ra đồng thời.

D. Chỉ có pha sáng, không có pha tối.

Câu 44: Chu trình nào sau đây xảy ra trong pha tối của quá trình quang hợp?

- A. Chu trình Calvin
- B. Chu trình Krebs
- C. Chu trình Knop
- D. Chu trình Cori

Câu 45: Khi nói về pha tối của quang hợp, phát biểu nào sau đây là **đúng**?

- A. Pha tối của quang hợp diễn ra ở xoang thylacoit.
- B. Pha tối của quang hợp không sử dụng nguyên liệu của pha sáng.
- C. Pha tối của quang hợp sử dụng sản phẩm của pha sáng để đồng hóa CO_2 .
- D. Pha tối của quang hợp diễn ra ở những tế bào không được chiếu sáng.

Câu 46: Điểm giống nhau giữa quang tổng hợp và hóa tổng hợp là

- A. đều sử dụng nguồn năng lượng của ánh sáng.
- B. đều sử dụng nguồn năng lượng hóa học.
- C. đều sử dụng nguồn nguyên liệu CO_2
- D. đều sử dụng nguồn nguyên liệu H_2O .

Câu 47: Năng lượng cung cấp cho các phản ứng trong pha tối chủ yếu lấy từ

- A. ánh sáng mặt trời.
- B. ATP do các ti thể trong tế bào cung cấp.
- C. ATP và NADPH từ pha sáng của quang hợp.
- D. năng lượng hóa học

Câu 48: Khi nói về hóa tổng hợp, phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Hóa tổng hợp là phương thức tự dưỡng xuất hiện sớm nhất.
- B. Quá trình hóa tổng hợp không sử dụng nguồn năng lượng ánh sáng.
- C. Một số sinh vật đơn bào nhân thực cũng có khả năng hóa tổng hợp.
- D. Quá trình hóa tổng hợp không sử dụng nước nên không giải phóng oxi.

Câu 49: Hiện tượng xảy ra ở quang tổng hợp mà không có ở hoá tổng hợp là

- A. có sử dụng năng lượng của ánh sáng.
- B. sản phẩm tạo ra carbohydrate.
- C. xảy ra trong tế bào sống.
- D. nguồn cacbon sử dụng cho quá trình là CO_2 .

Câu 50: Nói về sản phẩm của pha sáng quang hợp, điều nào sau đây **không** đúng?

- A. Các electron được giải phóng từ quang phân li nước sẽ bù cho diệp lục.
- B. ATP và NADPH sinh ra được sử dụng để tiếp tục quang phân li nước.
- C. O_2 được giải phóng ra khí quyển.
- D. ATP và NADPH được tạo thành để cung cấp năng lượng cho pha tối.

Câu 51: Trình tự các giai đoạn trong chu trình Calvin là

- A. cố định $\text{CO}_2 \rightarrow$ tái sinh chất nhận $\rightarrow$ khử APG thành AIPG.
- B. cố định $\text{CO}_2 \rightarrow$ khử APG thành AIPG $\rightarrow$ tái sinh chất nhận.
- C. khử APG thành AIPG $\rightarrow$ cố định $\text{CO}_2 \rightarrow$ tái sinh chất nhận.
- D. khử APG thành AIPG $\rightarrow$ tái sinh chất nhận $\rightarrow$ cố định CO_2 .

Câu 52: Loài nào sau đây là vi khuẩn hoá tổng hợp?

- A. Nitrosomonas.
- B. Vi khuẩn lam.
- C. Escherichia coli.
- D. Vi khuẩn lưu huỳnh màu lục.

Câu 53: Kết quả quan trọng nhất của pha sáng quang hợp là

- A. các điện tử được giải phóng từ phân li nước.
- B. sắc tố quang hợp hấp thụ năng lượng
- C. giải phóng oxigen
- D. sự tạo thành ATP và NADH

Câu 54: Về hô hấp tế bào, phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Là quá trình chuyển hóa năng lượng rất quan trọng của tế bào.
- B. Là sự phân giải các chất hữu cơ thành CO_2 và H_2O và giải phóng năng lượng ATP.
- C. Hô hấp tế bào thực chất là một chuỗi phản ứng oxi hoá khử.
- D. Hô hấp tế bào diễn ra chủ yếu trong nhân tế bào.

Câu 55: Chuỗi truyền electron hô hấp diễn ra ở đâu?

- A. Màng ngoài của ti thể.
- B. Màng trong của ti thể.

C. Cả hai màng ti thể.

D. Chất nền của ti thể.

Câu 56. Trong chu trình Krebs, mỗi phân tử Acetyl- coA được oxy hoá hoàn toàn sẽ tạo ra bao nhiêu phân tử CO_2 ?

A. 1 phân tử.

B. 4 phân tử.

C. 2 phân tử.

D. 3 phân tử.

Câu 57. Các giai đoạn của hô hấp tế bào diễn ra theo trật tự nào?

A. Chu trình Krebs → Đường phân → Chuỗi truyền electron hô hấp.

B. Đường phân → Chuỗi truyền electron hô hấp → Chu trình Krebs.

C. Đường phân → Chu trình Krebs → Chuỗi truyền electron hô hấp.

D. Chuỗi truyền electron hô hấp → Chu trình Krebs → Đường phân.

Câu 58. Con đường trao đổi chất nào sau đây chung cho quá trình phân giải kỵ khí và phân giải hiếu khí?

A. Tổng hợp Acetyl-CoA từ pyruvic acid.

B. Chu trình Krebs.

C. Đường phân.

D. Chuỗi vận chuyển điện tử.

Câu 59. Năng lượng chính do quá trình hô hấp tạo ra là

A. ATP.

B. NADH.

C. ADP.

D. FADH_2 .

Câu 60. Tốc độ của quá trình hô hấp phụ thuộc vào

A. hàm lượng oxygen trong tế bào.

B. tỉ lệ giữa CO_2/O_2 .

C. nồng độ cơ chất.

D. nhu cầu năng lượng của tế bào.

Câu 61. Nơi diễn ra chu trình Krebs là

A. tế bào chất.

B. chất nền của ti thể.

C. lục lạp.

D. màng ti thể.

Câu 62. Trong quá trình phân giải hiếu khí, giai đoạn nào trực tiếp sử dụng O_2 ?

A. Đường phân.

B. Chu trình Krebs.

C. Giai đoạn trung gian giữa đường phân và chu trình Krebs.

D. Chuỗi chuyển electron hô hấp.

Câu 63. Khi nói về hô hấp kỵ khí, phát biểu nào sau đây **đúng**?

A. Có thể diễn ra trong môi trường có O_2 .

B. Hiệu quả chuyển hóa năng lượng cao hơn hô hấp hiếu khí.

C. Chỉ diễn ra ở một số vi khuẩn khi môi trường không có O_2 .

D. Không trải qua giai đoạn chuỗi truyền điện tử và đường phân.

Câu 64. Ở giai đoạn chu trình Krebs, nguyên liệu tham gia trực tiếp vào chu trình là

A. glucose.

B. pyruvic acid.

C. acetyl-CoA.

D. NADH, FADH .

Câu 65. Đặc điểm nào sau đây **không** có ở hô hấp tế bào?

A. Phân giải chất hữu cơ đến sản phẩm cuối cùng là CO_2 và H_2O .

B. Quá trình phân giải chất tạo ra nhiều sản phẩm trung gian.

C. Toàn bộ năng lượng được giải phóng dưới dạng nhiệt.

D. Phần lớn năng lượng giải phóng ra được tích lũy trong ATP.

Câu 66. Trong quá trình hô hấp, giai đoạn đường phân có đặc điểm là

A. kỵ khí và xảy ra trong ti thể.

B. hiếu khí và xảy ra trong ti thể.

C. kỵ khí và xảy ra trong tế bào chất.

D. hiếu khí và xảy ra trong tế bào chất.

Câu 67. Bản chất của quá trình hô hấp tế bào là một chuỗi các phản ứng

A. thủy phân.

B. oxi hoá - khử.

C. tổng hợp.

D. phân giải.

Câu 68. Hô hấp thiếu khí không có giai đoạn nào

A. Oxi hóa Pyruvic acid và chu trình Krebs

B. Chuỗi truyền electron

C. Đường phân

D. Lên men

Câu 69. Kết thúc quá trình phân giải kỵ khí, tế bào thu được bao nhiêu phân tử ATP?

A. 2

B. 4

C. 6

D. 8

Câu 70. Chọn đáp án đúng khi nói về quá trình phân giải các chất.

A. Chuỗi chuyển electron hô hấp diễn ra ở chất nền ti thể.

B. Sau khi hình thành từ quá trình đường phân, hai phân tử pyruvic acid sẽ được chuyển vào chất nền ti thể.

C. Acetyl - CoA là nguyên liệu trực tiếp tham gia vào chuỗi chuyển electron.

D. Trong quá trình hô hấp tế bào, năng lượng của phân tử glucose được giải phóng một cách ồ ạt trong các giai đoạn khác nhau.

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1. Tại sao cơ thể động vật có thể tiêu hoá được rơm, cỏ, củ,... có thành phần là tinh bột và cellulose, trong khi con người có thể tiêu hoá được tinh bột nhưng lại không thể tiêu hoá được cellulose?

Câu 2. Tại sao khi hầm xương hoặc thịt người ta cho thêm vài miếng đu đủ xanh thì xương hoặc thịt sẽ nhanh nhừ hơn?

Câu 3: Phân biệt pha sáng và pha tối trong quá trình quang hợp (nơi diễn ra, điều kiện ánh sáng, nguyên liệu tham gia và sản phẩm tạo thành).

Tiêu chí	Pha sáng	Pha tối
Nơi diễn ra		
Điều kiện ánh sáng		
Nguyên liệu tham gia		
Sản phẩm tạo thành		

Câu 4. Phân biệt quá trình phân giải hiếu khí và phân giải kỵ khí.

Tiêu chí	Phân giải hiếu khí	Phân giải kỵ khí
Cơ chế		
Điều kiện		
Nơi diễn ra		
Sản phẩm tạo thành		

Câu 5. Máu là môi trường lỏng của cơ thể người, trong máu có nồng độ NaCl là 0,9% với nồng độ này hồng cầu trong máu giữ vững được cấu trúc và hoạt động tốt nhất. Ta lấy tế bào hồng cầu người cho vào ba lọ đánh số 1,2 và 3 có nồng độ NaCl lần lượt là 1,2%, 0,9% và 0,6 % . Em hãy dự đoán hiện tượng có thể xảy ra với các tế bào hồng cầu trong mỗi lọ. Giải thích?

Câu 6. Một người nông dân sau khi bón phân cho vườn rau của mình thì đến sáng hôm sau bỗng thấy các cây con trong vườn đều đã bị héo.

a) Hãy giải thích hiện tượng trên.

b) Đề xuất một cách đơn giản để làm cho các cây con có thể tươi trở lại.